

# Nhu cầu tham gia các hoạt động xã hội của sinh viên Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam

Hoàng Bào Trường\*, Lê Thị Thu Phương\*\*, Phan Thị Ánh Hồng\*\*\*

\*Khoa Công tác xã hội, Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam, Email: truongHB@hvpnv.edu.vn

\*\*Khoa Công tác xã hội, Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam, Email: phuonglth@hvpnv.edu.vn

\*\*\*Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành, Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam,

Email: PTAnhHong@hvpnv.edu.vn

Received: 19/09/2024; Accepted: 25/09/2024; Published: 16/10/2024

**Abstract:** The research shows that the majority of students at the Vietnam Women's Academy Ho Chi Minh City Campus are well aware of the benefits of participating in social activities, with 97% giving positive feedback. These activities help develop soft skills, expand social relationships and build a sense of responsibility. Students primarily engage in activities organized by the school due to the convenience and good support, while participation in external activities remains limited. There is a need to enhance collaboration with external organizations and create programs that encourage students to participate more.

**Keywords:** Social activity participation needs; Soft skills; Social responsibility; Personal development; Volunteering

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, việc tham gia các hoạt động xã hội không chỉ mang lại giá trị cộng đồng mà còn đóng vai trò quan trọng trong phát triển toàn diện sinh viên. Thông qua các hoạt động này, sinh viên có cơ hội rèn luyện kỹ năng mềm, phát triển mối quan hệ xã hội, và nâng cao ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy sự tham gia vào các hoạt động ngoài trường học vẫn còn hạn chế do yếu tố thời gian và áp lực học tập.

Nghiên cứu này tập trung khảo sát nhu cầu và thực trạng tham gia hoạt động xã hội của sinh viên tại Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam. Mục tiêu là tìm hiểu nhận thức, mức độ tham gia và các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của sinh viên, từ đó đề xuất các biện pháp thúc đẩy sinh viên tích cực tham gia hơn vào các hoạt động này, cả trong và ngoài nhà trường. Việc hiểu rõ nhu cầu và rào cản sẽ giúp các bên liên quan xây dựng chính sách và chương trình hỗ trợ phù hợp, tạo điều kiện để sinh viên phát triển toàn diện.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Một số khái niệm liên quan

Sinh viên là người học tại các cơ sở giáo dục bậc đại học và cao đẳng, bao gồm cả các chương trình đào tạo chính quy và ngoài chính quy (Quốc Hội, 2012).

Hoạt động xã hội là các hoạt động tình nguyện và công ích, được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm

nhằm phục vụ cộng đồng, cải thiện xã hội và phát triển kỹ năng cũng như nhận thức tư tưởng của người tham gia, đặc biệt là sinh viên (Hà Mỹ Hạnh, 2015; Wang, 2022). Những hoạt động này bao gồm chăm sóc đối tượng yếu thế, bảo vệ môi trường, hỗ trợ giáo dục và tham gia các chương trình phát triển cộng đồng (Đại học Đà Nẵng, 2020; Học viện Chính sách & Phát triển, 2021).

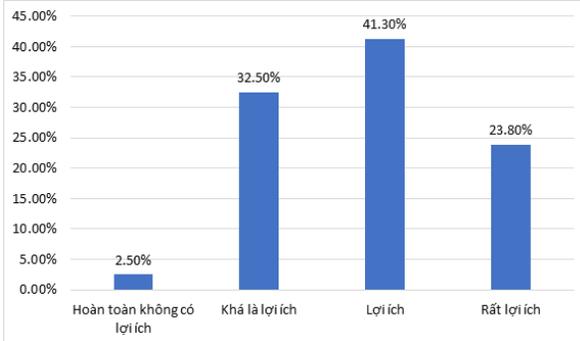
Sự tham gia là quá trình tương tác, hợp tác giữa các nhóm, nhằm đạt được các quyết định hài hòa với lợi ích chung (Ông Thị Mai Thương, 2019).

Sinh viên có nhu cầu phát triển kỹ năng xã hội, thể hiện trách nhiệm xã hội, nâng cao nhận thức và đóng góp cho cộng đồng thông qua các hoạt động tình nguyện và công ích.

### 2.2. Thực trạng tham gia các hoạt động xã hội của sinh viên

#### 2.2.1. Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của việc tham gia các hoạt động xã hội trong môi trường đại học

Trong môi trường giáo dục đại học, các hoạt động xã hội đóng vai trò quan trọng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng mềm, giao tiếp và làm việc nhóm, đồng thời góp phần định hình nhân cách cũng như tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng. Mức độ nhận thức của sinh viên Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam về tầm quan trọng của việc tham gia các hoạt động xã hội thông qua biểu đồ 2.1 như sau:



**Biểu đồ 2.1.** Mức độ nhận thức của sinh viên Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam về tầm quan trọng của việc tham gia các hoạt động xã hội (Nguồn: Kết quả khảo sát nhóm nghiên cứu, 2024)

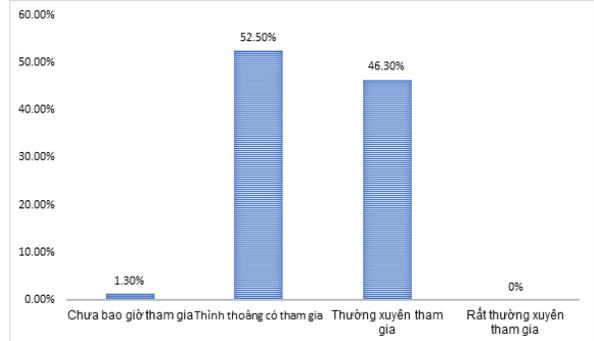
Theo khảo sát, 41.30% sinh viên đánh giá việc tham gia các hoạt động xã hội là có lợi ích, nhận thấy những hoạt động này giúp họ mở rộng mối quan hệ, học hỏi kỹ năng mềm và tích lũy kinh nghiệm thực tế, yếu tố mà các nhà tuyển dụng rất coi trọng. Bên cạnh đó, 32.50% sinh viên cho rằng các hoạt động xã hội mang lại “khá là lợi ích,” tuy nhiên, nhóm này chưa có cơ hội tham gia nhiều để thấy rõ toàn bộ giá trị. Đặc biệt, 23.80% sinh viên đánh giá các hoạt động xã hội là “rất lợi ích,” nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của chúng trong việc phát triển bản thân và sự nghiệp.

Tuy nhiên, một tỷ lệ nhỏ 2.50% sinh viên cho rằng các hoạt động xã hội “không có lợi ích” phản ánh sự thiếu thông tin hoặc chưa có cơ hội tham gia đủ để nhận thấy giá trị thực sự của các hoạt động này. Điều này gợi mở nhu cầu cần thêm các chương trình và hội thảo khuyến khích sự tham gia của nhóm này.

Nhìn chung, hơn 97% sinh viên đánh giá tích cực về lợi ích của các hoạt động xã hội, cho thấy tầm quan trọng của chúng trong việc phát triển kỹ năng mềm và tinh thần trách nhiệm cộng đồng. Tuy nhiên, vẫn cần có biện pháp để khuyến khích những sinh viên còn chưa nhận thức đầy đủ về giá trị của các hoạt động xã hội, thông qua các chương trình chia sẻ, hội thảo và định hướng. Đồng thời thiết kế hoạt động phù hợp hơn với nhu cầu và định hướng phát triển cá nhân của từng sinh.

### 2.2.2. Mức độ tham gia các hoạt động xã hội của sinh viên Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam

Biểu đồ 2.2 phản ánh mức độ tham gia các hoạt động xã hội của sinh viên Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam. Kết quả khảo sát cho thấy rằng phần lớn sinh viên đã có ít nhất một lần tham gia vào các hoạt động xã hội, tuy nhiên, mức độ tham gia của họ có sự phân hóa đáng kể.



**Biểu đồ 2.2.** Mức độ tham gia các hoạt động xã hội của sinh viên Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam (Nguồn: Kết quả khảo sát nhóm nghiên cứu, 2024)

Chỉ có 1.30% sinh viên cho biết các em chưa bao giờ tham gia các hoạt động xã hội, cho thấy đây là nhóm nhỏ, thể hiện rằng phần lớn sinh viên đều có nhận thức về sự quan trọng của việc tham gia các hoạt động này. Phần lớn sinh viên, chiếm 52.50%, thừa nhận rằng các em thỉnh thoảng có tham gia các hoạt động xã hội. Đây là nhóm sinh viên có xu hướng tham gia ở mức độ không quá thường xuyên, thường chỉ tham gia khi điều kiện thời gian và hứng thú cho phép. Đây cũng có thể là nhóm sinh viên đang dần quen thuộc với các hoạt động xã hội hoặc chưa có động lực tham gia đều đặn.

Đáng chú ý, 46.30% sinh viên đánh giá rằng các em thường xuyên tham gia các hoạt động xã hội. Đây là một tỷ lệ cao, cho thấy một phần lớn sinh viên có sự quan tâm và ý thức rõ ràng về vai trò của các hoạt động này đối với quá trình phát triển bản thân, đặc biệt là kỹ năng mềm và trải nghiệm thực tế. Các em nhận thức được rằng việc tham gia đều đặn các hoạt động xã hội không chỉ mang lại lợi ích cá nhân mà còn góp phần tích cực cho cộng đồng xung quanh.

Tuy nhiên, không có sinh viên nào đánh giá mình rất thường xuyên tham gia các hoạt động xã hội. Điều này phản ánh thực trạng rằng sinh viên, dù nhận thức rõ tầm quan trọng của các hoạt động này, vẫn gặp phải nhiều rào cản về thời gian, áp lực học tập hoặc các yếu tố khác làm hạn chế tần suất tham gia liên tục và thường xuyên.

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn sinh viên Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam đã tham gia vào các hoạt động xã hội, với 52.5% sinh viên thỉnh thoảng tham gia và 46.3% thường xuyên tham gia. Chỉ có 1.3% sinh viên chưa từng tham gia, cho thấy sự nhận thức cao về tầm quan trọng của các hoạt động này. Tuy nhiên, không có sinh viên nào tham gia rất thường xuyên, phản ánh rằng sinh viên vẫn

gặp rào cản về thời gian và áp lực học tập trong việc duy trì sự tham gia liên tục.

**2.2.3. Các hoạt động xã hội mà sinh viên Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam đã tham gia trong môi trường đại học**

Sinh viên Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam chủ yếu tham gia vào các hoạt động xã hội do nhà trường tổ chức, với 75.3% sinh viên tham gia các hoạt động tình nguyện trong trường so với chỉ 23.5% từ bên ngoài. Tương tự, 88.9% sinh viên tham gia câu lạc bộ học thuật của nhà trường, trong khi chỉ 9.9% tham gia các câu lạc bộ bên ngoài. Hoạt động văn hóa và thể thao trong trường cũng chiếm ưu thế, với lần lượt 76.5% sinh viên tham gia trong trường và chỉ 22.2% tham gia bên ngoài.

Các sự kiện cộng đồng do nhà trường tổ chức cũng thu hút 72.8% sinh viên, trong khi 25.9% tham gia từ bên ngoài, cho thấy mức độ quan tâm đến việc kết nối cộng đồng đang tăng. Hội thảo và khóa học ngoại khóa trong trường chiếm ưu thế với 85.2% sinh viên tham gia so với 13.6% từ bên ngoài. Hoạt động nghệ thuật và giải trí trong trường thu hút 75.3% sinh viên, cao hơn hẳn so với 23.5% từ bên ngoài. Tương tự, 88.9% sinh viên tham gia các tổ chức sinh viên trong trường, trong khi chỉ 9.9% tham gia từ các tổ chức bên ngoài.

Kết quả này phản ánh sự thuận tiện và môi trường hỗ trợ từ nhà trường, giúp sinh viên dễ dàng tham gia các hoạt động xã hội trong khuôn viên. Tuy nhiên, sự tham gia vào các hoạt động bên ngoài vẫn còn hạn chế, chủ yếu do yếu tố thời gian, địa điểm, và sự thiếu kết nối.

**2.2.4. Thực trạng đánh giá của sinh viên về các hoạt động xã hội đã tham gia**

Thực trạng đánh giá của sinh viên Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam đối với các hoạt động xã hội mà các em đã tham gia được cụ thể tại bảng 2.1 như sau:

*Bảng 2.1. Thống kê kết quả đánh giá của sinh viên Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam về các hoạt động xã hội đã tham gia*

		Tình nguyện	Học thuật	Văn hoá	Thể thao	Cộng đồng	Hội thảo	Nghệ thuật	Tổ chức dành cho SV
N	Valid	80	80	80	80	80	80	80	80
	Missing	1	1	1	1	1	1	1	1
	Mean	3.988	3.813	3.875	3.775	3.863	4.013	3.775	3.838
	Std. Error of Mean	.0950	.0797	.0964	.1037	.0937	.0933	.0889	.0998
	Median	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000
	Mode	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0
	Std. Deviation	.8493	.7132	.8624	.9274	.8381	.8343	.7952	.8922
	Variance	.721	.509	.744	.860	.702	.696	.632	.796
	Range	4.0	3.0	3.0	3.0	4.0	3.0	3.0	3.0

Minimum	1.0	2.0	2.0	2.0	1.0	2.0	2.0	2.0
Maximum	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0
Sum	319.0	305.0	310.0	302.0	309.0	321.0	302.0	307.0

(Nguồn: Kết quả khảo sát nhóm nghiên cứu, 2024)

Sinh viên đánh giá rất cao tính hữu ích của các hoạt động xã hội, đặc biệt là các hoạt động tình nguyện, với giá trị trung bình gần mức 4.0, Mode và Median đều đạt 4.0. Điều này cho thấy phần lớn sinh viên nhận thức rõ về lợi ích của các hoạt động này trong việc phát triển kỹ năng và trách nhiệm xã hội, mặc dù có một số ý kiến khác biệt do trải nghiệm không đồng nhất (Std. Deviation = 0.8493).

Câu lạc bộ học thuật cũng nhận được sự đánh giá tích cực với giá trị trung bình là 3.813 và độ lệch chuẩn thấp hơn (0.7132), cho thấy sự đồng thuận cao về tính hữu ích trong việc phát triển kỹ năng chuyên môn.

Hoạt động văn hóa được đánh giá với giá trị trung bình là 3.875, tuy nhiên, một số ý kiến khác biệt do trải nghiệm không đồng đều (Std. Deviation = 0.8624). Hoạt động thể thao có giá trị trung bình thấp hơn là 3.775, với sự phân tán cao hơn trong quan điểm (Std. Deviation = 0.9274).

Sự kiện cộng đồng có giá trị trung bình là 3.863 và độ lệch chuẩn 0.8381, phản ánh sự đồng thuận tương đối về tính hữu ích. Hội thảo và khóa học ngoại khóa được đánh giá cao nhất với giá trị trung bình trên 4.0 và độ lệch chuẩn thấp (0.8343), cho thấy sinh viên rất tích cực hưởng ứng các hoạt động này.

Hoạt động nghệ thuật và giải trí có giá trị trung bình là 3.775, với sự phân tán lớn hơn trong quan điểm (Std. Deviation = 0.7952). Các tổ chức sinh viên cũng được đánh giá tích cực với giá trị trung bình là 3.838 và độ lệch chuẩn 0.8922.

Nhìn chung, sinh viên đánh giá cao các hoạt động phát triển kỹ năng và học thuật hơn so với thể thao và nghệ thuật. Việc tăng cường các hoạt động sinh viên ưa thích, đồng thời cải thiện các chương trình ít được ưa chuộng, sẽ nâng cao hiệu quả hoạt động xã hội trong nhà trường.

**3. Kết luận và kiến nghị**

**3.1. Kết luận:** Sinh viên tại Phân hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam nhìn nhận tích cực về tầm quan trọng của việc tham gia các hoạt động xã hội. Đa số sinh viên nhận thấy các hoạt động xã hội mang lại nhiều lợi ích, bao gồm phát triển kỹ năng mềm, mở rộng mối quan hệ xã hội và rèn luyện tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Tuy nhiên, sự tham gia vào các hoạt động xã hội vẫn còn hạn chế do rào cản về thời gian, áp lực học tập và thiếu sự kết nối với các tổ chức bên ngoài. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ sinh viên tham

gia các hoạt động xã hội do nhà trường tổ chức cao hơn so với các hoạt động từ bên ngoài.

### 3.2. Kiến nghị

(1). Nhà trường nên tổ chức thêm các buổi hội thảo và chương trình định hướng để giúp sinh viên hiểu rõ hơn về lợi ích và giá trị của các hoạt động xã hội.

(2). Mở rộng sự hợp tác với các đơn vị bên ngoài để sinh viên có thêm cơ hội tham gia các hoạt động xã hội phong phú và đa dạng, tạo điều kiện để họ có thêm trải nghiệm thực tế.

(3). Các hoạt động xã hội cần được tổ chức một cách linh hoạt, phù hợp với nhu cầu, thời gian và định hướng cá nhân của sinh viên, để giúp họ cân bằng giữa học tập và tham gia xã hội.

(4). Cần có các biện pháp hỗ trợ về tài chính và điều chỉnh thời gian hợp lý để giúp sinh viên có thể tham gia nhiều hơn vào các hoạt động xã hội.

### Tài liệu tham khảo:

1. Đại học Đà Nẵng. (2020). *Quy định về việc tham gia hoạt động cộng đồng của sinh viên đại học Đà Nẵng* (Quyết định số 2900/QĐ-ĐHĐN).

2. Hà, M. H. (2015). *Phát triển năng lực hoạt động xã hội cho sinh viên các trường đại học sư phạm khu vực miền núi phía Bắc trong đào tạo theo học chế tín chỉ*. Đại học Thái Nguyên.

3. Học viện Chính sách & Phát triển. (2021). *Quy định về tham gia thực hiện ngày công tác xã hội đối với sinh viên đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển* (Quyết định số 643/QĐ-HVCSPT).

4. Ông, T. M. T. (2019). Khái niệm tham gia xã hội. *Khoa học xã hội Việt Nam*, (3), 2019.

5. Quốc Hội. (2012). *Luật Giáo dục Đại học*.

6. Wang, Y. (2022). A study on the construction of a long-term mechanism for college students' voluntary service in the new era. *Academic Journal of Humanities Social Sciences*, 5(1).

## Những thành quả trong công tác kiểm soát... (tiếp theo trang 315)

Kết quả điều tra kỳ vọng lạm phát đối với các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam: Thống kê của Ngân hàng nhà nước Việt Nam cho thấy kỳ vọng CPI của các tháng trong năm 2023 cũng như kỳ vọng CPI bình quân năm 2023 so với CPI năm 2022 luôn được neo giữ trong phạm vi 3,4% - 4%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 4% - 4,5% do Quốc hội đặt ra.

Sự sụt giảm của giá năng lượng trong nước: trong năm 2023, giá xăng dầu và giá gas thế giới được điều chỉnh giảm kéo theo giá năng lượng trong nước cũng sụt giảm. Cụ thể, chỉ số giá xăng dầu trong nước và chỉ số giá gas trong nước lần lượt giảm 11,02% và 6,94% so với 2022, dẫn đến chỉ số giá tiêu dùng nói chung lần lượt giảm 0,4 điểm phần trăm và 0,1 điểm phần trăm.

### 2.3. Vai trò của công tác kiểm soát lạm phát đối với sự phát triển của đất nước

Những thành quả trong công tác kiểm soát lạm phát năm 2023 đã thể hiện năng lực quản lý, thực thi chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ và sự điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng nhà nước. Việc kiểm soát lạm phát thành công đã góp phần không nhỏ vào quá trình ổn định kinh tế vĩ mô, củng cố niềm tin của nhân dân và doanh nghiệp, tạo nền tảng vững chắc để phục hồi và phát triển kinh tế trong những năm tiếp theo. Gần đây, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Fitch Ratings đã nâng xếp hạng tín

hiệm đối với Việt Nam từ BB lên BB<sup>+</sup>. Nhờ vậy, thị trường Việt Nam càng trở nên hấp dẫn với nhà đầu tư nước ngoài.

### 3. Kết luận

Bài viết đã trình bày những thành tựu trong quá trình kiểm soát lạm phát năm 2023 của chính phủ. Những thành quả này không chỉ cho thấy vai trò lãnh đạo nòng cốt của chính phủ trong quá trình đổi mới, phát triển đất nước mà còn tạo đà tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai, góp phần thu hút nhà đầu tư nước ngoài, tăng uy tín trên trường quốc tế. Tuy nhiên, trước những diễn biến khó lường của tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trên thế giới, các cơ quan quản lý của Nhà Nước, các Bộ, Ngành cần xây dựng kịch bản sát với thực tiễn, phối hợp một cách linh hoạt, thận trọng các chính sách kinh tế vĩ mô nhằm tận dụng các lợi thế vốn có, vượt qua thách thức để tăng trưởng bền vững.

### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung (2010), *Giáo trình kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản kinh tế TpHCM.

2. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/>

3. <https://www.gso.gov.vn/so-lieu-thong-ke/>

4. [https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/rm/cpi?\\_afrLoop=45982554458450023#%40%3F\\_](https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/rm/cpi?_afrLoop=45982554458450023#%40%3F_)